BỘ TƯ PHÁP
CỤC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ SỐ 05/2026/QH16

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý (TGPL) (sau đây gọi là Luật) xuất phát từ yêu cầu về chính trị, pháp lý và thực tiễn. Về cơ sở chính trị, các Nghị quyết của Đảng như Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đã đặt ra yêu cầu xây dựng hệ thống TGPL chuyên nghiệp, hiện đại, dễ tiếp cận; mở rộng đối tượng được TGPL; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ưu tiên nguồn lực cho các nhóm yếu thế. Đặc biệt là Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng thông qua đã đặt ra yêu cầu "tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật, các thiết chế trong lĩnh vực TGPL". Đồng thời, việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và việc ban hành nhiều luật mới có liên quan cũng đặt ra yêu cầu rà soát, hoàn thiện các quy định về TGPL. Về thực tiễn, sau gần 08 năm thi hành, Luật TGPL năm 2017 đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập như phạm vi người được TGPL còn hẹp; quy định về cộng tác viên TGPL chưa thu hút được đông đảo nguồn lực xã hội tham gia; quy định thành lập Chi nhánh chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; chưa có quy định đầy đủ về chuyển đổi số; một số nội dung mang tính thủ tục còn được quy định trong Luật. Cùng với việc triển khai Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về TGPL càng trở nên cấp thiết nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thực tiễn. Trên cơ sở kế thừa Luật TGPL năm 2017 và tổng kết thực tiễn thi hành, việc sửa đổi, bổ sung Luật TGPL là bước đi quan trọng nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, hướng tới mục tiêu bảo đảm quyền tiếp cận công lý của người dân và "không ai bị bỏ lại phía sau".

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành

Việc ban hành Luật nhằm khắc phục một số hạn chế, bất cập của Luật TGPL năm 2017, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận TGPL của người dân, phù hợp với tình hình và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả của công tác TGPL; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số; đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, cải cách hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

a) Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối mới của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong đó, cụ thể hóa các chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 49-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương, chính sách khác của Đảng và Nhà nước.

b) Lấy quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL làm trung tâm, rà soát các đối tượng thuộc diện được TGPL bảo đảm đồng bộ với hệ thống pháp luật, phù hợp với điều kiện và nguồn lực hiện nay nhằm tăng cường khả năng tiếp cận TGPL của người dân; mở rộng các điều kiện và phạm vi hoạt động của cộng tác viên thực hiện TGPL; tổ chức và hoạt động của các tổ chức TGPL phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

c) Bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết có liên quan, nhất là các luật, nghị quyết được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam để bảo đảm tính khả thi.

III. BỐ CỤC, NỘI DUNG MỚI CƠ BẢN CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TGPL SỐ 05/2026/QH16

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL năm 2017 quy định những nội dung liên quan đến người được TGPL, người thực hiện TGPL, tổ chức thực hiện TGPL, trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan có liên quan trong công tác TGPL.

Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Bố cục của Luật

Luật TGPL sửa đổi số 05/2026/QH16 gồm 03 Điều, trong đó: Điều 1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL năm 2017 (sửa đổi, bổ sung 24 Điều, bãi bỏ 02 Điều); Điều 2 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan[1]; Điều 3 quy định về hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Mở rộng diện người được TGPL

[1] Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 và Luật Phòng, chống mua bán người số 53/2024/QH15

Đây là nội dung thu hút nhiều sự quan tâm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình tham gia góp ý dự thảo Luật sửa đổi. Đây cũng là vấn đề các đại biểu Quốc hội thảo luận nhiều nhất trong quá trình xây dựng Luật. Trải qua nhiều vòng lấy ý kiến, tiếp thu, chỉnh lý ý kiến của các đại biểu Quốc hội, cùng với ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, Luật đã cụ thể hoá phương châm cốt lõi trong việc xác định diện người được TGPL là dựa trên những nguyên tắc, tiêu chí phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật hiện hành và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Theo đó, quy định về người được TGPL trong Luật tiếp tục kế thừa 06 nhóm người của đang được quy định tại Luật TGPL năm 2017, sửa đổi 03 nhóm và bổ sung thêm 05 nhóm nhằm bảo đảm tốt hơn quyền được TGPL của những người dễ bị tổn thương trong xã hội. Bên cạnh đó, việc xác định diện người được TGPL cũng dựa trên các chính sách xã hội cơ bản (ví dụ như chính sách giảm nghèo, hính sách ưu đãi người có công, chính sách dân tộc…) và điều kiện của đất nước, cụ thể như sau:

- 06 nhóm người được kế thừa hoàn toàn từ quy định hiện hành là:

+ Người thuộc hộ nghèo;

+ Người có công với cách mạng;

+ Trẻ em;

+ Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, phạm nhân theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên;

+ Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

- 03 nhóm người được kế thừa và mở rộng theo hướng được TGPL không phụ thuộc vào yếu tố khó khăn tài chính là:

+ Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi liệt sĩ;

+ Người nhiễm chất độc da cam;

+ Người khuyết tật.

- 02 nhóm người không quy định điều kiện có khó khăn về tài chính mà gắn với điều kiện tài chính cụ thể của từng nhóm, là:

+ Người thuộc hộ cận nghèo;

+ Người được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng là người cao tuổi, người bị bạo lực trong vụ việc bạo lực gia đình, người nhiễm HIV.

- 05 nhóm người được bổ sung mới hoàn toàn là:

+ Người dân tộc thiểu số rất ít người;

+ Người lao động có thu nhập thấp là người bị buộc tội, bị hại;

+ Người có khó khăn đột xuất do gặp thiên tai hoặc hỏa hoạn được TGPL trong vụ việc liên quan trực tiếp đến khắc phục hậu quả xảy ra với họ bởi các sự kiện này;

+ Cá nhân bị thiệt hại mà không thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

+ Người nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định được TGPL.

Ngoài ra, Luật TGPL bổ sung quy định "*Người được TGPL khác theo quy định của pháp luật"* nhằm tạo sự linh hoạt, bảo đảm khả năng bao quát các đối tượng được TGPL phát sinh trong tương lai.

Có thể thấy việc bổ sung các nhóm đối tượng mới và mở rộng một số nhóm theo hướng không phụ thuộc vào điều kiện tài chính đã góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận công lý, bảo đảm TGPL kịp thời cho những trường hợp thực sự cần TGPL trong thực tiễn. Qua đó, Luật TGPL tiếp tục khẳng định vai trò là công cụ pháp lý quan trọng bảo đảm công bằng xã hội, thực hiện quyền con người, quyền công dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

3.2. Luật hóa cơ chế trực TGPL tại Toà án nhân dân và trong điều tra hình sự, cơ chế phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng

Một trong những điểm mới đáng chú ý của Luật là luật hóa cơ chế trực TGPL tại Toà án nhân dân, trực TGPL trong điều tra hình sự và cơ chế phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng, qua đó nâng tầm các cơ chế đang được vận hành hiệu quả trong thực tiễn lên thành quy định có giá trị pháp lý cao trong văn bản luật. Cụ thể, Điều 41 sửa đổi, bổ sung quy định:

*"**Điều 41. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý trong tố tụng***

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm phối hợp và tổ chức phối hợp thực hiện cơ chế liên ngành, trực TGPL tại Tòa án nhân dân và trong điều tra hình sự; tạo điều kiện cho người được TGPL được hưởng quyền TGPL, tạo điều kiện cho người thực hiện TGPL tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tài chính phối hợp xây dựng cơ chế hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng ở Trung ương và cấp tỉnh.

3. Các cơ quan có liên quan đến hoạt động TGPL trong tố tụng có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tạo lập, tích hợp, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu TGPL trên Cổng Pháp luật quốc gia.".

Thực tế gần 20 năm qua cho thấy, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và tổ chức thực hiện TGPL đã góp phần bảo đảm người thuộc diện được TGPL có thể tiếp cận dịch vụ kịp thời ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng, nhằm hạn chế bỏ sót đối tượng và nâng cao chất lượng giải quyết vụ việc.

Việc luật hóa cơ chế trực TGPL tại Toà án nhân dân, trực TGPL trong điều tra hình sự và cơ chế hội đồng phối hợp liên ngành mang lại nhiều lợi ích thiết thực: trước hết, nâng cao giá trị pháp lý, bảo đảm tính ổn định, thống nhất và lâu dài của cơ chế phối hợp; đồng thời tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng (vốn có tính độc lập cao trong hoạt động nghề nghiệp) và các cơ quan liên quan trong việc bảo đảm quyền được TGPL. Bên cạnh đó, việc luật hoá các quy chế này còn tạo điều kiện để Quốc hội thực hiện chức năng giám sát, bảo đảm cơ chế này được triển khai nghiêm túc, hiệu quả trên phạm vi toàn quốc. Qua đó, Luật không chỉ củng cố một thiết chế phối hợp liên ngành có tính pháp lý cao, vận hành xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, mà còn góp phần nâng cao chất lượng TGPL trong tố tụng, bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận công lý của người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong xã hội.

3.3. Không còn quy định giới hạn điều kiện đối với việc thành lập Chi nhánh của Trung tâm TGPL nhà nước

Để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho địa phương, Luật đã bỏ quy định về

điều kiện địa bàn thành lập Chi nhánh của Trung tâm TGPL nhà nước ở *"các huyện ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, giao thông không thuận tiện, chưa có tổ chức hành nghề luật sư hoặc tổ chức tư vấn pháp luật tham gia TGPL"*. Theo đó điều kiện thành lập Chi nhánh được quy định theo hướng mở, đó là *"Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu TGPL tại địa phương"* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Chi nhánh, nhằm trao quyền mạnh mẽ hơn cho địa phương chủ động quyết định thành lập Chi nhánh, thực hiện triệt để nguyên tắc "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Sự điều chỉnh này đã tạo điều kiện để Chi nhánh – "cánh tay nối dài" của Trung tâm, được bố trí linh hoạt hơn theo đặc thù từng địa bàn, qua đó bảo đảm người dân, đặc biệt là người thuộc diện được TGPL được tiếp cận dịch vụ TGPL thuận lợi, kịp thời, liên tục, không bị gián đoạn trong bối cảnh nhiều địa phương có phạm vi quản lý rộng, điều kiện địa lý, giao thông đi lại khác nhau, quy mô dân số lớn và cơ cấu dân cư đa dạng.

3.4. Hoàn thiện tiêu chuẩn và cơ chế bổ nhiệm, miễn nhiệm trợ giúp viên pháp lý

Một trong những nội dung được sửa đổi, bổ sung quan trọng của Luật là hoàn thiện quy định về bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý và miễn nhiệm, thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý theo hướng chặt chẽ, minh bạch và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Để phát huy nguồn nhân lực đã có kinh nghiệm thực hiện TGPL, Luật quy định một trong những tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý là *"Đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư hoặc tập sự TGPL, trừ trường hợp đã từng là trợ giúp viên pháp lý"*. Đây là sự điều chỉnh hợp lý, bảo đảm phù hợp với thực tiễn đội ngũ trợ giúp viên pháp lý trong thời gian qua. Theo quy định của Luật TGPL năm 2017, mọi trường hợp khi được xem xét bổ nhiệm đều phải đáp ứng điều kiện về tập sự, kể cả những người đã từng là trợ giúp viên pháp lý nhưng vì lý do công tác đã chuyển sang vị trí khác, sau đó quay trở lại làm TGPL. Như vậy, những người đã từng là trợ giúp viên pháp lý có kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp, đã trực tiếp thực hiện vụ việc TGPL phải tập sự, "làm quen với TGPL" là không cần thiết, gây lãng phí thời gian và nguồn lực.

Luật đã bổ sung, cụ thể hóa các trường hợp không được bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý theo hướng rõ ràng hơn. Cụ thể, để được bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý thì bên cạnh việc đáp ứng các tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý (quy định tại Điều 19) thì không được thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đang trong thời hạn bị xử lý kỷ luật; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý.

Quy định này nhằm nâng cao tiêu chuẩn đầu vào, bảo đảm đội ngũ trợ giúp viên pháp lý có phẩm chất đạo đức, uy tín đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động TGPL, nhất là trong hoạt động TGPL tham gia tố tụng.

Bên cạnh đó, Luật đã bổ sung quy định về miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý theo hướng bảo đảm tính đồng bộ với điều kiện bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý. Theo đó, Luật bổ sung một số trường hợp cụ thể là căn cứ miễn nhiệm và thu hồi thẻ, như: *"bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật";* hoặc *"bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc"*. Để thời gian tới tiếp tục duy trì đội ngũ trợ giúp viên pháp lý có năng lực, bảo đảm chất lượng dịch vụ TGPL cung cấp cho người yếu thế, Luật đã siết chặt hơn khi quy định trợ giúp viên pháp lý bị miễn nhiệm và thu hồi thẻ khi không thực hiện vụ việc tham gia tố tụng ***trong 12 tháng liên tục*** (Luật TGPL năm 2017 quy định ***trong 02 năm liên tục***); hoặc khi bị xử lý kỷ luật bằng ***hình thức cảnh cáo trở lên*** do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động TGPL tại khoản 1 Điều 6 Luật TGPL năm 2017 (Luật TGPL năm 2017 quy định bị xử lý kỷ luật bằng ***hình thức cảnh cáo từ lần thứ 02 trở lên hoặc cách chức*** do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động TGPL) hoặc đang trong thời gian bị cấm hành nghề trợ giúp pháp lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Những quy định này góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động nghề nghiệp, đồng thời bảo đảm cơ chế sàng lọc, duy trì chất lượng đội ngũ trợ giúp viên pháp lý.

Ngoài ra, Luật bổ sung quy định trợ giúp viên pháp lý đương nhiên miễn nhiệm và thẻ trợ giúp viên pháp lý đương nhiên không còn giá trị. Đối với các trường hợp như chuyển công tác khác, thôi việc, cho thôi việc hoặc nghỉ hưu thì đương nhiên miễn nhiệm và thẻ trợ giúp viên pháp lý không còn giá trị. Như vậy, các trường hợp này không phải thực hiện thủ tục xem xét, quyết định thu hồi thẻ như trước đây; nhằm giảm bớt các thủ tục không cần thiết.

3.5. Tiếp tục mở rộng giải pháp thu hút nguồn lực xã hội có chất lượng tham gia thực hiện TGPL

Một trong những điểm mới đáng chú ý của Luật là sửa đổi quy định về cộng tác viên TGPL, theo hướng vừa mở rộng nguồn lực, vừa tăng cường kiểm soát chất lượng.

Trước hết, Luật đã mở rộng theo hướng không giới hạn địa bàn người đủ điều kiện có thể đăng ký làm cộng tác viên TGPL (Luật TGPL năm 2017 quy định cộng tác viên TGPL chỉ có ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn). Cách tiếp cận mới này không chỉ giúp tăng tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện mà còn tạo điều kiện để người dân ở nhiều khu vực khác nhau được tiếp cận dịch vụ TGPL thuận lợi hơn.

Đồng thời, Luật cũng hướng tới việc tận dụng hiệu quả nguồn nhân lực có kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật trong xã hội. Bên cạnh các chức danh người đã nghỉ hưu như trợ giúp viên pháp lý, Thẩm phán, Thẩm tra viên, Kiểm sát viên…, Luật đã mở rộng đáng kể các nhóm đối tượng có thể trở thành cộng tác viên TGPL, bao gồm cả những người đã từng là cộng tác viên TGPL; người đã nghỉ hưu là người giữ hạng, ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên làm công tác pháp luật, người giữ hạng, ngạch chuyên viên và tương đương làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận. Bổ sung quy định viên chức giữ hạng III và tương đương làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên hoặc viên chức giữ hạng I, hạng II và tương đương làm công tác pháp luật cũng được trở thành cộng tác viên TGPL khi được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nơi làm việc.

Có thể thấy rằng, quy định mới đã tạo cơ chế mở rộng nhưng có chọn lọc, vừa huy động được nguồn nhân lực pháp lý có chất lượng trong xã hội, vừa bảo đảm yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với cộng tác viên TGPL. Điều này không chỉ góp phần mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ TGPL trên phạm vi rộng hơn mà còn nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của người dân trong thực tiễn.

Ngoài ra, Luật đã mở rộng hình thức thực hiện TGPL đối với cộng tác viên TGPL khi quy định chủ thể này, bên cạnh trợ giúp viên pháp lý và luật sư, được thực hiện vụ việc TGPL đại diện ngoài tố tụng. Việc cho phép cộng tác viên TGPL thực hiện vụ việc đại diện ngoài tố tụng góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ TGPL của người dân trong các quan hệ pháp luật dân sự, hành chính trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền, qua đó bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được TGPL ngay từ giai đoạn sớm, hạn chế phát sinh tranh chấp phải đưa ra giải quyết tại cơ quan tố tụng.

3.6. Hoàn thiện cơ chế cấp thẻ, thu hồi thẻ cộng tác viên TGPL

Luật đã có bước hoàn thiện quan trọng trong cơ chế quản lý đội ngũ cộng tác viên TGPL, đặc biệt là quy định về cấp và thu hồi thẻ cộng tác viên TGPL theo hướng đồng bộ, chặt chẽ, minh bạch và chuyên nghiệp hơn. Luật đã bổ sung các trường hợp không được cấp thẻ cộng tác viên TGPL. Cụ thể, để được cấp thẻ cộng tác viên TGPL, bên cạnh việc đáp ứng tiêu chuẩn luật định (quy định tại khoản 1 Điều 24) thì không được thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý;

- Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; viên chức đang trong thời hạn bị xử lý kỷ luật.

Luật quy định các trường hợp thu hồi thẻ cộng tác viên TGPL đầy đủ, rõ ràng hơn, tương đồng với điều kiện được cấp thẻ và mang tính "sàng lọc thường xuyên". Theo đó, cộng tác viên TGPL sẽ bị thu hồi thẻ không chỉ khi người đó không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, mà còn trong các trường hợp phát sinh trong quá trình hoạt động. Cụ thể: Thu hồi thẻ trong các trường hợp cộng tác viên ***không tham gia thực hiện vụ việc TGPL*** trong thời gian 02 năm liên tục (lưu ý, Nghị định số 144/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định thu hồi thẻ đối với trường hợp ***không thực hiện TGPL*** trong thời gian 02 năm liên tục); vi phạm quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động TGPL hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực TGPL nhưng chưa đến mức bị thu hồi thẻ cộng tác viên TGPL mà tiếp tục có hành vi vi phạm; hợp đồng cộng tác viên TGPL bị chấm dứt hoặc không thực hiện nghĩa vụ ký kết trong thời hạn theo quy định, cũng như khi bị xử lý kỷ luật nghiêm trọng, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc; bị kết án theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, với việc hoàn thiện đồng bộ từ điều kiện cấp thẻ đến các trường hợp thu hồi thẻ cộng tác viên TGPL, Luật đã thiết lập cơ chế quản lý cộng tác viên TGPL theo hướng chặt chẽ, liên tục và bảo đảm chất lượng, hiệu quả hoạt động hơn. Quy định này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cộng tác viên TGPL mà còn bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động TGPL, qua đó phục vụ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL.

3.7. Tăng cường trách nhiệm của UBND cấp xã trong hoạt động TGPL

Luật đã bổ sung quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác TGPL[2]. Việc luật hoá nội dung này trong Luật có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực pháp lý và tính thống nhất trong tổ chức thực hiện. Quy định này góp phần phát huy vai trò của cấp chính quyền gần dân nhất trong việc phát hiện, hướng dẫn kịp thời người thuộc diện được TGPL tiếp cận tổ chức thực hiện TGPL.

3.8. Tăng cường trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong hoạt động TGPL

Luật đã sửa đổi, bổ sung Điều 42 quy định rõ hơn trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong công tác TGPL. Lần đầu tiên vai trò giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về TGPL của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên được ghi nhận trực tiếp trong luật, qua đó khẳng định vị trí của tổ chức này không chỉ là chủ thể phối hợp mà còn là lực lượng tham gia bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả trong tổ chức thực hiện chính sách.

3.9. Bổ sung quy định về chuyển vụ việc TGPL

Luật tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền được TGPL của người dân với một điểm mới thiết thực: bổ sung quy định về chuyển vụ việc TGPL giữa các Trung tâm TGPL nhà nước. Quy định này xuất phát từ thực tiễn nhiều vụ việc tham gia tô tụng được chuyển địa bàn giải quyết, người thực hiện TGPL ban đầu có thể phải mất nhiều thời gian đi lại, chi phí cao. Theo quy định mới, khi một vụ việc TGPL đã được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng tại địa phương khác giải quyết, Trung tâm TGPL đang thực hiện có thể chuyển vụ việc cho Trung tâm tại địa phương nơi cơ quan tiến hành tố tụng đang giải quyết. Đồng thời, việc chuyển này phải được thông báo để người được TGPL biết, bảo đảm tính minh bạch và quyền được thông tin của người dân. Điểm mới này tạo điều kiện để người thực hiện TGPL tiếp cận vụ việc thuận lợi hơn, bám sát quá trình giải quyết của cơ quan tiến hành tố tụng, từ đó nâng cao chất lượng tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL, đồng thời góp phần tối ưu hóa nguồn lực giữa các Trung tâm, phát huy hiệu quả mạng lưới TGPL trên phạm vi cả nước.

3.10. Cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính

---

[2] Hiện nay, khoản 12 Điều 2 của Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 28/8/2018 là trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến Trung tâm.

Một trong những điểm mới của Luật là thiết kế theo hướng ngắn gọn, làm rõ và mở rộng các nguyên tắc, chính sách lớn; đồng thời, những vấn đề mang tính quy trình, trình tự, thủ tục được giao cho Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của từng giai đoạn.

Cụ thể, một số nội dung trước đây được quy định cụ thể trong Luật TGPL năm 2017 như: thời hạn, hồ sơ bổ nhiệm và cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý; hồ sơ, quy trình miễn nhiệm, thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý; thời hạn cử người thực hiện TGPL trong các vụ việc: tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng…đã được chỉnh sửa theo hướng tinh gọn hơn, giao Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chi tiết tạo linh hoạt, phù hợp với tinh thần và định hướng của Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 và Kết luận 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị.

3.11. Ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số trong TGPL

Luật đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ trong việc hiện đại hóa hoạt động TGPL, khi lần đầu tiên nội dung ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số được quy định trong luật. Đây không chỉ là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, mà còn là giải pháp đột phá nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế.

Theo quy định mới, Bộ Tư pháp được giao vai trò đầu mối, chủ trì triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động TGPL, đồng thời, xây dựng, quản lý, vận hành và thường xuyên nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu TGPL. Đáng chú ý, dữ liệu TGPL sẽ được kết nối, tích hợp, chia sẻ với Cổng Pháp luật quốc gia, tạo nền tảng thống nhất, đồng bộ, góp phần hình thành "hệ sinh thái số" trong lĩnh vực TGPL.

Không chỉ dừng lại ở cấp Trung ương, Luật còn đặt ra yêu cầu phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc tạo lập, tích hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu TGPL. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp để bảo đảm dữ liệu TGPL tại địa phương được kết nối, liên thông với hệ thống chung; các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan liên quan trong tố tụng cũng có trách nhiệm tham gia vào quá trình này. Những quy định này sẽ tạo cơ sở hình thành mạng lưới dữ liệu liên thông, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành cũng như hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin và dịch vụ TGPL một cách nhanh chóng, thuận tiện.

Việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong Luật không chỉ giúp nâng cao tính công khai, minh bạch, giảm thủ tục hành chính mà còn tạo điều kiện để người dân, ở bất kỳ đâu, có thể tiếp cận dịch vụ TGPL một cách dễ dàng hơn. Đây là bước tiến quan trọng góp phần đưa chính sách TGPL đến gần hơn với người dân, phù hợp với mục tiêu xây dựng Chính phủ số, xã hội số.

4. Các điều kiện bảo đảm thực hiện

Khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL có hiệu lực, dự kiến kinh phí tổ chức triển khai thi hành luật được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của bộ, cơ quan Trung ương và địa phương theo quy định của của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

5. Dự báo tác động chính sách đến người dân và xã hội, những vấn đề người dân cần lưu ý khi thực hiện

Dự kiến khi Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027, chính sách TGPL sẽ có nhiều tác động tích cực đối với người dân và xã hội, góp phần bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận công lý, quyền con người, quyền công dân và thúc đẩy công bằng xã hội. Trước hết sẽ tăng cường khả năng tiếp cận công lý và bảo đảm an sinh xã hội, tạo điều kiện để người dân thuộc diện chính sách xã hội, nhất là nhóm người "yếu thế" được hỗ trợ pháp luật trong các quan hệ pháp luật phát sinh. Đặc biệt, với việc cơ chế trực TGPL tại Toà án nhân dân và trong điều tra hình sự, cơ chế phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng được luật hoá sẽ tiếp tục góp phần bảo đảm người thuộc diện được TGPL có thể tiếp cận dịch vụ kịp thời ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng, nhằm hạn chế bỏ sót đối tượng và nâng cao chất lượng giải quyết vụ việc.

Bên cạnh đó, Luật tăng cường ứng dụng công nghệ số và công khai thông tin về TGPL thông qua việc kết nối, đăng tải danh sách tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL trên Cổng Pháp luật quốc gia. Việc này giúp người dân dễ dàng tra cứu thông tin, tiếp cận dịch vụ TGPL thuận tiện hơn, đặc biệt đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa hoặc có khó khăn trong việc đi lại.

Để bảo đảm quyền và lợi ích của mình khi Luật có hiệu lực thi hành, người dân cần lưu ý một số nội dung quan trọng. Thứ nhất, nhân dân có thể chủ động tìm hiểu về quyền được TGPL miễn phí và liên hệ với Trung tâm TGPL nhà nước hoặc các tổ chức tham gia TGPL khi có nhu cầu. Việc yêu cầu TGPL có thể được thực hiện qua Công dịch vụ công quốc gia. Thứ hai, người yêu cầu TGPL cần cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc để việc TGPL được thực hiện hiệu quả. Thứ ba, người dân cần lưu ý rằng TGPL là dịch vụ miễn phí theo quy định của pháp luật; tổ chức, cá nhân thực hiện TGPL không được thu tiền hoặc lợi ích vật chất khác từ người được TGPL. Ngoài ra, người dân cần quan tâm theo

dõi thông tin về tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL và các hướng dẫn liên quan trên Cổng Pháp luật quốc gia, cổng thông tin điện tử của cơ quan tư pháp địa phương hoặc các kênh thông tin chính thống để tiếp cận dịch vụ thuận lợi, chính xác và kịp thời.

6. Tổ chức thi hành Luật

Để bảo đảm các quy định của Luật được triển khai có hiệu quả, thống nhất trong phạm vi cả nước, Bộ Tư pháp đã và đang phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan có liên quan thực hiện các các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật.

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật, bảo đảm có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, phổ biến rộng rãi các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL đến với người dân, cơ quan, tổ chức.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thi hành Luật.